

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2022/DSST

Ngày 27/9/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê
2. Bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng: Bà Nguyễn Thị Thủy
- Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/TLST-DS ngày 04/4/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-DS ngày 24/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 75 ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Đình T.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn C (có mặt).

Địa chỉ: Buôn W, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 24/3/2022).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Đình T và đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:** Ông T mở cửa hàng bán vật liệu xây dựng Tuấn Ngọc tại xã E, huyện Krông Năng. Ngày 14/7/2021, bà Nguyễn Thị Thanh H mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông T và nợ số tiền hàng là 2.897.000đ. Ngày 16/8/2021, bà H tiếp tục mua vật liệu xây dựng và nợ số tiền hàng là 29.988.000đ, tổng số tiền bà H mua nợ vật liệu xây dựng của ông T là 32.885.000đ. Các lần mua hàng, hai bên đều viết hóa đơn liệt kê danh mục, giá cả các mặt hàng bà H mua và số tiền còn nợ, bà H có ký nhận vào các hóa đơn này. Sau khi

mua hàng, bà H mới trả được số tiền 14.885.000đ (trả vào các ngày 10/10/2021 và ngày 12/10/2021), còn nợ lại 18.000.000đ bà H không trả mặc dù ông T đã đòi nợ nhiều lần.

Nay ông T khởi kiện, yêu cầu bà H phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 18.000.000đ cùng với tiền lãi suất phát sinh theo mức 10%/năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (21/3/2022) đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi suất phát sinh cho đến khi bà H trả xong nợ. Ông T xác định chỉ bán hàng cho bà H, ông không biết chồng bà H là ai nên chỉ yêu cầu một mình bà H trả nợ.

** Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Ngày 14/7/2021 và ngày 16/8/2021 bà H có mua vật liệu xây dựng của ông Lê Đình T và nợ số tiền tổng cộng là 32.885.000đ. Sau khi mua hàng, bà H đã trả được cho ông T 14.885.000đ, còn nợ lại 18.000.000đ. Số tiền còn nợ này bà H chưa trả vì lý do tháng 01/2022, bà H phát hiện ông T đăng ảnh vợ chồng bà H lên mạng xã hội.

Nay ông T khởi kiện, bà H chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 18.000.000đ, không đồng ý trả lãi. Số tiền nợ này, bà H xác định không liên quan đến chồng bà là ông Ngô Văn T do bà mua để sửa nhà trong thời gian chồng bà đi làm ăn xa nên bà có trách nhiệm trả cho ông T nhưng ông T phải xin lỗi vì đã đăng ảnh vợ chồng bà lên mạng xã hội.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền còn nợ là 18.000.000đ, cùng với lãi suất phát sinh từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Lê Đình T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả khoản tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 18.000.000đ cùng với lãi suất phát sinh. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 04/7/2021 và ngày 16/8/2021, bà Nguyễn Thị Thanh H mua vật liệu xây dựng của ông Lê Đình T. Trong ngày 16/8/2021, hai bên viết hóa đơn mua bán và xác định ông T đã giao đủ hàng cho bà H và bà H nợ ông T là 32.885.000đ, không xác định thời hạn trả tiền. Sau đó, bà H trả cho ông T 02 lần được 14.885.000đ, còn nợ lại 18.000.000đ không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua hàng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H phải trả cho ông T số tiền mua hàng còn nợ là 18.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị buộc bà Huyền phải trả khoản tiền lãi suất tương ứng với số tiền hàng chưa thanh toán, thấy rằng: Theo hóa đơn mua hàng và

lời trình bày của các bên thì khi lập hóa đơn mua bán ngày 16/8/2021, các bên không thỏa thuận cụ thể thời hạn thanh toán tiền nhưng bà H đã nhận đủ hàng hóa mua. Sau đó, bà H mới trả được 14.885.000đ, còn lại 18.000.000đ không trả là vi phạm nghĩa vụ của bên mua hàng nên căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 440 Bộ luật dân sự, có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải trả cho ông T khoản tiền mua hàng chưa trả là 18.000.000đ cùng với khoản tiền lãi theo mức 10%/năm tương ứng với số tiền chậm trả là 18.000.000đ kể từ ngày 21/3/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn cho đến ngày xét xử (27/9/2022) là 06 tháng 06 ngày, cụ thể:

$(18.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 06 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 926.280đ$. Tổng gốc và lãi là: 18.926.280đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 116; Điều 430; Điều 440; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả cho ông Lê Đình T số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 18.000.000đ cùng với lãi suất phát sinh (theo mức 10%/năm) tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2022) là 926.280đ. Tổng gốc và lãi là: 18.926.280đ.

Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Thanh H còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 946.314đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Đình T khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 560.000đ (theo biên lai số 8890 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Thi hành án DS H. Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HS – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hán

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

